TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10/2019/QĐST-VDS	*Mai Sơn, ngày 14 tháng 03 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 28/2019/TLST-VDS ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân* sự: Anh Lê Sơn B, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tiểu khu Z, xã Z1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Sơn B và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Z1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên bất đồng dẫn đến cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến nay cả hai bên đã không còn tình cảm với nhau nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên hòa giải, anh B, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh B và chị N.

[2] Về con chung: Anh B, chị N có 02 con chung là các cháu Lê Như Q, sinh ngày 19/12/1995 và cháu Lê Khương D, sinh ngày 26/10/2000 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh B, chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị N nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 03 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Sơn B và chị Nguyễn Thị N nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh B, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng: Anh B, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị N nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002106 ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Z1;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga